| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 100/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2018
"V/v ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tiêu Hồng Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Yến L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp V, xã Ph, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp TH, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa chị L, anh T có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tô Yến L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên gia đình chị, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần

đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, sự việc được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thành và đã ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Chị L khẳng định chị không thể bỏ cha mẹ ruột để đi cùng anh T tạo lập cuộc sống riêng vì chị là con một trong gia đình, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung:

Chị L xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/12/2016, hiện tại cháu K do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Ly yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

- Về tài sản: Chị L xác định trong ngày cưới cha mẹ chồng có cho vợ chồng 10 chỉ vàng 24k (nhưng chỉ có 05 chỉ là của cha mẹ chồng, còn 05 chỉ là của cha mẹ ruột của chị đưa cho cha mẹ chồng để cho dâu), trong quá trình chung sống vợ chồng có tích lũy mua được 02 chiếc nhẫn giá trị lúc mua 7.000.000 đồng, một chiếc xe hiệu Novo biển số 60Y - 1087 mua lại của người khác, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 18k, một chiếc khâu 05 chỉ vàng 24k. Nhưng sau đó chị đã trả lại cho cha mẹ ruột của chị 05 chỉ vàng 24k, còn lại 05 chỉ vàng 24k trong thời gian ly thân chị đã bán 03 chỉ vàng 24k để lo lắng cho con, đối với 02 chiếc khâu vàng 18k chị đã bán 01 chiếc đưa tiền cho anh T trả nợ của cha anh T, hiện tại chị còn đang quản lý 02 chỉ vàng 24k và 01 chiếc khâu vàng 18k; anh T quản lý một chiếc xe hiệu Novo biển số 60Y - 1087, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 18k, một chiếc khâu 05 chỉ vàng 24k. Ngoài ra, vợ chồng có nhờ cha mẹ chị tham gia hụi do ông Q làm chủ, gồm có hai dây hụi mở ngày 26/3/2016, hụi 1.000.000 đồng, mỗi dây có 28 chưng, vợ chồng tham gia 04 chưng trong hai dây hụi trên, trong thời gian tham gia vợ chồng đóng được 06 lần, còn lại là do mẹ của chị đóng cho đến nay. Chị L xác định đối với toàn bộ số tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ: Chị L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Qua phần trình bày của chị L về ngày tháng năm chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng, còn nguyên nhân chị L đặt ra yêu cầu ly hôn là không đúng mà do anh thường xuyên đi làm xa nên ít quan tâm chăm sóc vợ con, anh thừa nhận thời gian ly thân và mâu thuẫn được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thành như chị L trình bày là đúng. Nay anh xác định vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ với điều kiện chị L phải bỏ gia đình ra đi cùng anh tạo lập cuộc sống riêng chứ anh không tiếp tục ở chung với cha mẹ chị L được vì cha mẹ của chị L rất khó khăn đối với anh.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 người con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L; nếu chị L nuôi con không nỗi thì giao con lại cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về tài sản: Trong ngày cưới vợ chồng được cha mẹ anh cho 10 chỉ vàng 24k (01 sợi dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc lắc 05 chỉ), trong quá trình chung sống vợ chồng có tích lũy mua được 02 chiếc nhẫn giá trị lúc mua 7.000.000 đồng, một chiếc xe hiệu Novo biển số 60Y - 1087 mua lại của người khác, giá trị hiện tại còn lại 5.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 18k, 01 chiếc khâu 05 chỉ vàng 24k và vào năm 2016 anh với chị L có nhờ cha mẹ vợ tham gia bốn chân hụi, loại hụi 1.000.000 đồng do ông Q làm chủ, gồm có 34 chưng, mỗi tháng khui một lần, trong thời gian tham gia đóng khoảng 26 lần, hụi mở ngày nào anh không nhớ. Đối với số tài sản trên anh đang quản lý một chiếc xe mô tô hiệu Novo, 01 chiếc khâu 05 chỉ 24k, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 18k; chị Ly quản lý 10 chỉ vàng 24k và 02 chiếc khâu vàng 18k giá trị lúc mua 7.000.000 đồng. Đối với tài sản chung anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ: Anh T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị L với anh T chung sống với nhau năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Yến L với anh Nguyễn Văn T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Tô Yến L và anh Nguyễn Văn T trình bày không thống nhất nhau về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, nhưng thực tế trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về điều kiện sống, sinh hoạt trong gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng anh chị vẫn không chung sống lại được với nhau và đã ly thân từ tháng 9/2017 đến nay. Tại phiên tòa, chị L và anh T thừa nhận kể từ ngày vợ chồng ly thân đến nay chị L và anh T không có biện pháp gì để gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác tại phiên tòa anh T yêu cầu chị L phải bỏ gia đình ra đi cùng anh tạo lập cuộc sống riêng chứ anh không tiếp tục ở chung với cha mẹ của chị L được; đối với chị L khẳng định giữa chị với anh T không thể nào đoàn tụ chung sống với nhau được nữa vì chị là con một trong gia đình, chị không thể bỏ cha mẹ ruột để đi cùng anh T tạo lập cuộc sống riêng. Điều này cho thấy anh chị không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm chia sẻ với nhau, từ đó có thể xác

định quan hệ hôn nhân của chị L và anh T đã trầm trọng, không hạnh phúc, cho nên đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị L cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Đăng K 03/12/2016, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi cháu K, yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K theo quy định pháp luật kể từ ngày xét xử sơ thẩm; đối với anh T đồng ý giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng nhưng anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L, nếu chị L không khả năng nuôi con thì giao con lại cho anh nuôi, không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi cháu K được sinh ra do chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay và hiện nay cháu K chỉ được 17 tháng 12 ngày tuổi. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu K cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với sự tự nguyện giao con của anh T.

Xét yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị L thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu người trực tiếp nuôi con có yêu cầu, do vậy buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, mỗi tháng cấp dưỡng một lần kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản: Chị L anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ: Chị L anh T xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật; án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Yến L, cho chị Tô Yến L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 03/12/2016 cho chị Tô Yến L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đăng K mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần kể từ ngày 15/5/2018 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, kể từ ngày chị Tô Yến L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Tô Yến L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị L đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009717 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Ph, huyện P, T.Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tiêu Hồng Phượng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hiển - Châu Trung Trực Tiêu Hồng Phượng**